

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 05/2018/HC-PT

Ngày : 09 /11/2018.

V/v: “Yêu cầu hủy quyết định giải
quyết khiếu nại và bồi thường thiệt
hại trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Phương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tuấn
Bà Võ Thị Hồng Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo – Thư ký TAND tỉnh Bình Định.

- Đại diện VKSND tỉnh Bình Định: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy– Kiểm
sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định
mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số
05/2018/TLPT-HC ngày 24 tháng 9 năm 2018 về việc: “Khiếu kiện hủy quyết
định giải quyết khiếu nại và bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực quản lý đất đai”
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐST-HC ngày 24 tháng 10
năm 2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1936 (có mặt)

Địa chỉ: Số xxx đường N, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Người bị kiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh B.

Địa chỉ: yy đường N.H, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công V – Phó chủ tịch UBND Tp. Q (Văn bản ủy quyền số 20/GUQ-UBND ngày 28/9/2018); (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân TP. Q, tỉnh B

Địa chỉ: yy đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công V – Phó chủ tịch UBND Tp. Q (Văn bản ủy quyền số 20/GUQ-UBND ngày 28/9/2018) (Vắng mặt).

- Ủy ban nhân dân phường G, Tp. Q, tỉnh Bình Định.

Địa chỉ: cc đường H, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Chí T – Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Huy H – Phó chủ tịch

(Văn bản ủy quyền số số 01/GUQ-UBND ngày 25/8/2017) (Vắng mặt).

4. Người làm chứng:

- Ông Trần Văn L; (Vắng mặt)

Địa chỉ : Tổ V, khu vực B, phường G, Tp. Quy Nhơn.

- Ông Nguyễn Hữu P; (Vắng mặt)

Địa chỉ : Tổ V, khu vực B, phường G, Tp. Quy Nhơn.

- Ông Huỳnh Ngọc Đức; (Vắng mặt)

Địa chỉ : đường A, phường H, Quận T, TP. Hồ Chí Minh.

- Ông Lê Thành S; (Vắng mặt)

Địa chỉ : phường G, Tp. Quy Nhơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/12/2015, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 24/12/2015 và các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa người khởi kiện ông Nguyễn Văn H trình bày:

Năm 2000, ông nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn L ở Tổ V, KVB, phường G, Tp. Quy Nhơn khoảng 6.500m² đất rẫy trồng cây ăn trái lâu năm, trên đất có 01 nhà tạm làm bằng tranh tre (đất này ông Trần Văn L nhận chuyển

nhượng từ ông Lê Văn H theo giấy sang nhượng đất viết tay ngày 25/4/2000) và 02 hécta đất dự án PAM - 4304 tọa lạc tại tổ 2, KV1, phường G, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông L, do nhà tạm bị hư hỏng nên năm 2000 ông có thuê ông Huỳnh Ngọc Đ làm lại nhà tạm trên diện tích đất rẫy trồng cây ăn trái lâu năm. Ông và ông Đ thỏa thuận miệng với nhau về việc làm nhà tạm. Theo đó, ông Đ làm nhà tạm cho ông bằng cách dựng lại khung bằng gỗ xẻ, dựng cốt xung quanh, trên mái lợp tôn, nền làm bằng móng đá chẻ trắng xi măng, có 02 cửa chính (trước và sau), 02 cửa sổ làm bằng gỗ, kiểu pano, tổng giá trị nhà là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng. Sau khi nhà làm xong, ông thuê người ở lại trông coi rẫy, còn ông thì hàng ngày đến để coi rẫy rồi về, không ở tại ngôi nhà này. Năm 2006, đoàn cưỡng chế đến tháo dỡ ngôi nhà trên của ông. Trong quá trình UBND Tp. Quy Nhơn ra các văn bản như: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi che chắn nhà tạm trái phép trên đất lâm nghiệp; Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, UBND phường G ra thông báo đề nghị ông chấp hành quyết định cưỡng chế tháo dỡ thì ông và gia đình ông không có ai nhận bất kỳ quyết định hoặc thông báo nào từ chính quyền địa phương. Sau khi đoàn cưỡng chế tháo dỡ nhà tạm của ông xong, gia đình ông mới được nhận thông báo của phường. Sau khi nghe vợ ông báo lại có thông báo đó và nhà đã bị tháo dỡ, ông vào kiểm tra thì thấy hiện trạng nhà đã bị đập phá. Sau đó, ông có đơn khiếu nại đến UBND phường G. Trong cuộc họp giải quyết khiếu nại của ông, Chủ tịch phường G cho rằng việc đập phá nhà của ông là do có nhầm lẫn. Ông nghĩ giữa chính quyền và người dân không nên căng thẳng nên ông có đề nghị tự sửa chữa lại nhà, thiệt hại ông tự chịu, Chủ tịch UBND phường đồng ý. Sau đó, ông có đơn xin sửa chữa nhà đột nát gửi Chủ tịch UBND phường G nhưng Chủ tịch phường không ký, không nhận đơn với lý do Chủ tịch UBND phường không có quyền quyết định nên ông làm đơn khiếu nại gửi UBND phường G. Sau đó ông có nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND phường G, TP. Quy Nhơn về việc không chấp nhận yêu cầu của ông nhưng không nhớ thời gian nào. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND phường G, ông tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch UBND Tp. Q. Chủ tịch UBND Tp. Q đã ra quyết định giải quyết khiếu nại số 5687/QĐ-CTUBND ngày 26/10/2012 không chấp nhận đơn khiếu nại của ông, công nhận quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND phường G. Ông nhận Quyết định này vào ngày 13/11/2012. Trong sự việc này, ông và gia đình ông không có vi phạm gì nhưng lại bị chính quyền địa phương dùng quyền lực cưỡng chế tháo dỡ nhà tạm. Do vậy, ông yêu cầu Tòa án hủy quyết định giải quyết khiếu nại số

5687/QĐ-CTUBND ngày 26/10/2012 của Chủ tịch UBND Tp. Q. Việc tháo dỡ nhà tạm của ông gây thiệt hại cho ông nên ông yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền làm nhà tạm là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, kiến nghị các cấp cho ông xây dựng lại nhà tạm bị đập phá.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (Chủ tịch UBND Tp. Q) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (UBND Tp. Q) ông Nguyễn Công V trình bày:

Năm 1984 ông Lê Văn H trú tại tổ x, khu vực y, phường Q làm đơn xin phép khai khẩn một mảnh đất tại B không ghi diện tích nhưng có giới cận: phía Đông giáp rẫy ông K, phía Tây Nam có khe suối thuộc KV1, phường Q để góp phần xây dựng kinh tế và được Chủ tịch UBND phường Q ông Võ Xuân Đ đồng ý cho ông H được khai khẩn làm rẫy (nay mảnh đất thuộc khu vực n, phường G). Năm 1993 ông Lê Văn H sang nhượng rẫy nói trên cho ông Trần Văn L ở KVn, phường Q bằng giấy viết tay không có xác nhận của chính quyền địa phương. Ngày 26/01/1995 UBND Tp. Q có quyết định số 84/QĐ-UB giao đất cho ông Trần Văn L với diện tích 02 ha tại thửa đất trên để trồng rừng theo dự án PAM - 4304. Ngày 25/4/2000 ông Trần Văn L chuyển nhượng lại thửa đất trên cho ông Nguyễn Văn H có xác nhận của UBND phường G. Theo bản đồ địa chính đo vẽ năm 2001 lưu tại UBND phường G, thửa đất trên thuộc thửa đất số 6, tờ bản đồ 52, có diện tích 3.420,3m² loại đất cây công nghiệp, tên chủ sử dụng là Trần Văn L và không thể hiện có nhà trên đất.

Năm 2003, ông H che chắn nhà tạm trên thửa đất trên nhưng chưa có sự cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ngày 12/9/2003 Đội kiểm tra trật tự đô thị thành phố phối hợp UBND phường G lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn H với nội dung vi phạm: Che chắn nhà tạm trái phép trên đất lâm nghiệp, dọc tuyến đường Q - S thuộc KV1, phường G với diện tích: 4m x 5m = 20m², trụ bằng cây bạch đàn, vách cốt, mái tôn và buộc ông phải tự tháo dỡ trả lại hiện trạng ban đầu. Ngày 15/9/2003 đội kiểm tra trật tự đô thị thành phố có Báo cáo số 418/BC - Đội về việc đề nghị UBND thành phố ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn H với hình thức xử phạt Cảnh cáo và buộc ông phải tháo dỡ trả lại mặt bằng nguyên trạng ban đầu. Ngày 24/9/2003, UBND thành phố ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn H với hình thức xử phạt: Cảnh cáo và buộc ông phải tháo dỡ trả lại mặt bằng nguyên trạng ban đầu nhưng ông H không chấp hành quyết định. Ngày 08/12/2005, UBND phường G có tờ trình số 52/TTr-UBND đề nghị UBND thành phố ban hành quyết định cưỡng chế đối với

ông Nguyễn Văn H vi phạm che chắn nhà tạm trái phép trên đất lâm nghiệp. Ngày 19/12/2005 Chủ tịch UBND Tp Q ban hành Quyết định số 4228/QĐ-CTUBND về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn H và giao cho Chủ tịch UBND phường G tổ chức thực hiện. Ngày 26/12/2005, UBND phường G lập biên bản tổng đạt quyết định cưỡng chế và ban hành Thông báo đề nghị ông H chấp hành quyết định cưỡng chế trên nhưng ông H không chấp hành tháo dỡ (Tổ công tác đã giao quyết định và Thông báo cưỡng chế cho chị L là con gái ông H tại nhà nhưng chị L không ký biên bản). Ngày 21/3/2006, UBND phường phối hợp cùng các ngành chức năng tổ chức cưỡng chế tháo dỡ nhà tạm che chắn trái phép của ông H trên đất lâm nghiệp dọc tuyến đường Q – S thuộc KV1, phường G, Tp Q.

Sau đó, ông H nhiều lần có đơn khiếu nại việc UBND phường G và ông Huỳnh Văn T – chủ tịch UBND phường đã có hành vi đập phá tài sản của ông trong lúc gia đình ông đi vắng. UBND thành phố có thông báo số 691/TB-UBND ngày 29/12/2010 giao cho UBND phường G kiểm tra, làm rõ nội dung sự việc, giải quyết trả lời đơn cho ông H theo quy định của pháp luật. Ngày 15/8/2011 UBND phường G có thông báo số 35/TB-UBND và Báo cáo số 71/BC-UBND về việc tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại của ông H với nội dung: Không công nhận nội dung đơn của ông Nguyễn Văn H khiếu nại UBND phường G có hành vi đập phá tài sản của gia đình ông tại KV1 phường G vì thửa đất của ông đang sử dụng theo bản đồ địa chính đo vẽ năm 2001, thuộc thửa đất số 6, tờ bản đồ 52, diện tích 3.420,3m² là loại đất rừng sản xuất chủ sử dụng ông Trần Văn L và không thể hiện có nhà trên đất. Ngày 29/11/2011 ông Nguyễn Văn H có đơn tiếp tục khiếu nại Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 17/11/2011 của UBND phường G về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông.

Từ kết quả kiểm tra, rà soát hồ sơ quá trình sử dụng đất ông H không chấp hành các quy định của pháp luật đất đai nên UBND phường G phối hợp với các ngành chức năng lập Biên bản vi phạm hành chính và tổ chức thực hiện cưỡng chế vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và xây dựng trái phép đối với ông Nguyễn Văn H có hành vi che chắn nhà tạm trái phép trên đất lâm nghiệp dọc tuyến đường Q– S thuộc KV1, phường G là đúng quy định. Hơn nữa, thửa đất ông đang sử dụng theo bản đồ địa chính đo vẽ năm 2001 thuộc thửa đất số 6, tờ bản đồ số 52, diện tích 3.420,3m² là loại đất rừng sản xuất chủ sử dụng là ông Trần Văn L (đã chuyển nhượng) và không có thể hiện nhà trên đất.

UBND phường G đã tổng đạt Quyết định và thông báo cưỡng chế đến gia đình ông H nhưng ông H không tự nguyện chấp hành tháo dỡ nên UBND

phường G tổ chức thực hiện cưỡng chế là đúng theo quy định tại Khoản 2 Điều 22 Nghị định 134/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

Như vậy, việc ông H yêu cầu hủy quyết định số 5687/QĐ-CTUBND ngày 26/10/2012 là không có cơ sở nên ông không đồng ý hủy quyết định trên. Vì không đồng ý hủy Quyết định số 5687/QĐ-CTUBND ngày 26/10/2012 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND Tp. Q, nên UBND Tp. Q không đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của ông H.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường G, ông Vũ Huy H trình bày:

Sau khi Chủ tịch UBND Tp. Q ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2378/QĐ –UB ngày 24/9/2003 xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn H, tổ chức tổng đạt và triển khai thực hiện Quyết định nhưng ông H không thi hành, ngày 08/12/2005, UBND phường G đã có tờ trình số 52/TTr –UBND đề nghị UBND Tp. Q ban hành Quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế tháo dỡ nhà, công trình xây dựng trái phép. Ngày 19/12/2005, Chủ tịch UBND Tp. Q ban hành Quyết định số 4228/QĐ- CTUBND cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông H. Ngày 26/12/2005, UBND phường G ra thông báo số 31/TB –UBND thông báo cho ông Nguyễn Văn H chấp hành Quyết định số 4228 và đã đến nhà ông H tổng đạt Quyết định 4228 và Thông báo số 31 cho con gái ông H là chị L, chị L nhận nhưng không ký vào biên bản tổng đạt. Do ông H không chấp hành nên ngày 05/3/2006 Chủ tịch UBND Tp. Q có công văn số 165/UBND –NC gửi UBND phường G đề nghị tổ chức thi hành Quyết định số 4228/QĐ –CTUBND. Trên cơ sở đó, ngày 14/3/2006 UBND phường G, Tp. Q có Kế hoạch số 01/KH –UBND về việc tháo dỡ nhà, công trình xây dựng trái phép trong đó có nhà của ông Nguyễn Văn H.

Sau khi xây dựng kế hoạch, ngày 17/3/2006, UBND phường G, Tp.Q ra thông báo số 11/TB –UBND thông báo cho ông Nguyễn Văn H thu xếp tháo dỡ nhà tạm, trả lại mặt bằng theo tinh thần Quyết định số 4228 nhưng ông H vẫn không chấp hành.

Ngày 21/3/2006, UBND phường G tổ chức thực hiện Quyết định 4228, tháo dỡ nhà tạm của ông H, vật liệu bỏ nguyên tại chỗ. Ông H có đơn khiếu nại.

Ngày 25/7/2011, UBND phường G tổ chức đối thoại với ông H về việc ông H khiếu nại cưỡng chế tháo dỡ nhà tạm của ông. Qua đối thoại, ông H thống nhất tự nguyện không khiếu nại việc cưỡng chế, tháo dỡ nhà tạm của ông, chỉ yêu cầu cho xây dựng lại nhà tạm. UBND phường đề nghị ông H làm đúng các

thủ tục xin cấp phép xây dựng, ông H đồng ý nhưng sau đó ông H tiếp tục khiếu nại.

Ngày 15/8/2011, UBND phường G, Tp Q có thông báo số 35/TB – UBND về việc tiếp nhận và giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn H, ông H tiếp tục khiếu nại. Ngày 17/11/2011, UBND phường Ghềnh Ráng, Tp. Quy Nhơn ban hành Quyết định số 194/QĐ –UBND không chấp nhận đơn của ông H khiếu nại về việc UBND phường G đã có hành vi đập phá tài sản của gia đình ông. Không đồng ý với quyết định số 194, ông H tiếp tục khiếu nại lên UBND Tp. Q.

UBND phường G đã thực hiện đúng chỉ đạo của UBND Tp Q và quy định của pháp luật về quá trình thực hiện Quyết định cưỡng chế buộc tháo dỡ công trình che chắn nhà tạm trái phép của ông H và giải quyết khiếu nại đối với ông H.

Bản án sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 09/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 56; Điều 64; Điều 66; Điều 67; Điều 69 Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính năm 2002, sửa đổi bổ sung năm 2007; Nghị định số 134/2003/NĐ – CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

Căn cứ Điều 19; Điều 38 Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998, sửa đổi bổ sung năm 2004, năm 2005;

Căn cứ Điều 18; Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí năm 2009; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 5687/QĐ-CTUBND ngày 26/10/2012 của Chủ tịch UBND Tp. Q và bồi thường thiệt hại 15.000.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/8/2018, người khởi kiện ông Nguyễn Văn H kháng cáo đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 09/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng hành chính: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng khác cũng như các bên đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo hợp lệ, thủ tục kháng cáo đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn H không phải chịu tất cả các khoản án phí vì ông H là người cao tuổi. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, sửa án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn H trong hạn luật định, hình thức và nội dung đơn đúng quy định, ông H đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, UBND thành phố Q và đại diện UBND phường G thành phố Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, những người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai tại hồ sơ. Căn cứ vào Điều 159, 225 của Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo về tính hợp pháp của quyết định giải quyết khiếu nại số 5687/QĐ-CTUBND ngày 26/10/2012 của Chủ tịch UBND thành phố Q.

[2.1] Về hình thức, thẩm quyền, thời hạn, thời hiệu và thủ tục ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 5687/QĐ-CTUBND ngày 26/10/2012 của Chủ tịch UBND thành phố Q là phù hợp với quy định của pháp luật tại Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003; Điều 40 của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011.

[2.2] Xét về nội dung của quyết định giải quyết khiếu nại số 5687/QĐ-CTUBND ngày 26/10/2012 của Chủ tịch UBND thành phố Q thấy rằng: Năm 1993 ông Lê Văn H sang nhượng rẫy nói trên cho ông Trần Văn L ở Khu vực n, phường Q, Tp. Q bằng giấy viết tay không có xác nhận của chính quyền địa phương. Ngày 26/01/1995 UBND Tp. Q ban hành quyết định số 84/QĐ-UB

giao đất cho ông Trần Văn L với diện tích 02 ha tại thửa đất trên để trồng rừng theo dự án PAM - 4304. Ngày 25/4/2000 ông Trần Văn L chuyển nhượng lại thửa đất trên cho ông Nguyễn Văn H có xác nhận của UBND phường G, Tp. Q. Theo bản đồ địa chính đo vẽ năm 2001 lưu tại UBND phường G, thửa đất trên thuộc thửa đất số 6, tờ bản đồ 52, có diện tích 3.420,3m² loại đất cây công nghiệp, tên chủ sử dụng là Trần Văn L và không thể hiện có nhà trên đất. Theo các chứng cứ ông Nguyễn Văn H cung cấp bao gồm các giấy tờ chuyển nhượng đất viết tay từ ông Lê Văn H cho ông Trần Văn L, từ ông Trần Văn L chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H cũng thể hiện không có nhà trên đất. Năm 2003, ông Nguyễn Văn H xây dựng nhà tạm diện tích (4m x 5m) trên thửa đất này nhưng không có giấy phép xây dựng, ngày 12/9/2003 Đội kiểm tra trật tự đô thị của Phòng Quản lý đô thị Tp. Q đã lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng đối với ông H. Ngày 24/9/2003, Chủ tịch UBND Tp. Q đã ra Quyết định số: 2378/QĐ –UB xử phạt vi phạm hành chính với hình thức cảnh cáo và buộc ông H phải khắc phục hậu quả là phải tháo dỡ nhà tạm, cho đến năm 2005 nhà tạm của ông H vẫn chưa được tháo dỡ nên ngày 19/12/2005 Chủ tịch UBND Tp. Q đã ra Quyết định số: 4228/QĐ –CTUBND về việc cưỡng chế buộc tháo dỡ toàn bộ nhà tạm của ông Hùng. Ngày 21/3/2006, UBND phường G, Tp. Q thực hiện cưỡng chế tháo dỡ nhà tạm của ông Hùng theo quyết định của Chủ tịch UBND Tp. Q. Ngày 11/8/2011, ông H có đơn xin phép sửa chữa nhà nhưng không được UBND phường G xác nhận nên ông có đơn đến UBND Tp. Q, khiếu nại việc UBND phường G tháo dỡ trái pháp luật ngôi nhà tạm của ông. UBND Tp. Q đã có các văn bản số: 1636/UBND –TD ngày 29/8/2011; số: 1670 UBND –TD ngày 31/8/2011, giao cho UBND phường G tổ chức đối thoại và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại cho ông H, ngày 17/11/2011 UBND phường G ban hành Quyết định 194/QĐ –UBND không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông H. Không đồng ý với giải quyết khiếu nại của UBND phường G, ông H đã khiếu nại đến UBND Tp. Q. Sau khi nhận đơn khiếu nại của ông H Chủ tịch UBND Tp. Q đã giao Thanh tra thành phố Q xác minh làm rõ nội dung vụ việc. Ngày 26/10/2012, Chủ tịch UBND Tp. Q đã ban hành Quyết định số 5687/QĐ –CTUBND không chấp nhận đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn H, công nhận Quyết định 194 là đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Từ những phân tích trên cho thấy việc UBND phường G thực hiện việc cưỡng chế tháo dỡ nhà tạm của ông Nguyễn Văn H theo Quyết định số 4228/QĐ –CTUBND ngày 19/12/2005 của Chủ tịch UBND Tp. Q, là đúng theo quy định của pháp luật về quản lý hành chính trong lĩnh vực xây dựng và trong lĩnh vực đất đai, UBND phường G không công nhận khiếu nại của ông H là

đúng quy định của pháp luật, nên ngày 26/10/2012 Chủ tịch UBND Tp. Q đã ban hành Quyết định số 5687/QĐ –CTUBND không chấp nhận đơn khiếu nại của ông H là có căn cứ. Xét thấy về hình thức và nội dung của Quyết định số 5687/QĐ –CTUBND ngày 26/10/2012 Chủ tịch UBND TP. Q được ban hành theo đúng quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại. Việc cưỡng chế tháo dỡ toàn bộ nhà tạm của ông H của UBND phường G, Tp. Q là đúng quy định của pháp luật, nên yêu cầu bồi thường thiệt hại 15.000.000đ và kiến nghị các cấp cho ông xây dựng lại nhà tạm của ông H là không có căn cứ. Do đó, cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H là có cơ sở.

[3] Ông Nguyễn Văn Hùng, sinh năm 1936 (82 tuổi) là người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 34, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Văn Hùng không phải chịu án toàn bộ các khoản án phí. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm buộc ông Hùng phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là không đúng.

[4] Xét thấy kháng cáo của ông Nguyễn văn Hùng là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 5687/QĐ-CTUBND ngày 26/10/2012 của Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và yêu cầu bồi thường thiệt hại 15.000.000đ. Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính 2015;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 56; Điều 64; Điều 66; Điều 67; Điều 69 Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính năm 2002, sửa đổi bổ sung năm 2007; Nghị định số 134/2003/NĐ – CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002;

Căn cứ Điều 19; Điều 38 Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998, sửa đổi bổ sung năm 2004, năm 2005;

Căn cứ Điều 18; Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 34, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn Hùng. Giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 5687/QĐ-CTUBND ngày 26/10/2012 của Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và yêu cầu bồi thường thiệt hại 15.000.000đ. Sửa về phần án phí hành chính sơ thẩm.

2. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Hùng không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Hùng 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 03927 ngày 26/02/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Hùng không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Hùng 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000232 ngày 23/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tuấn

Võ Thị Hồng Thu

Võ Công Phương

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND Tp Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Công Phương

Các thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tuấn Võ Thị Hồng Thu

Võ Công Phương

